

NGHỊ QUYẾT

Về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Mục 1

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH NÔNG THÔN

Điều 1. Tiêu chuẩn của tỉnh

1. Quy mô dân số:

- a) Tỉnh miền núi từ 900.000 người trở lên;
b) Tỉnh không thuộc điểm a khoản này từ 1.400.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên:

- a) Tỉnh miền núi từ 8.000 km² trở lên;
b) Tỉnh không thuộc điểm a khoản này từ 5.000 km² trở lên.

3. Có định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của cả nước.

4. Có ít nhất 01 đô thị đạt tiêu chuẩn đô thị loại II.

Điều 2. Tiêu chuẩn của xã

1. Quy mô dân số:

- a) Xã miền núi từ 5.000 người trở lên;

- b) Xã ở hải đảo từ 2.500 người trở lên;
- c) Xã không thuộc điểm a và điểm b khoản này từ 16.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên:

- a) Xã miền núi từ 100 km² trở lên;
- b) Xã ở hải đảo từ 15 km² trở lên;
- c) Xã không thuộc điểm a và điểm b khoản này từ 30 km² trở lên.

3. Có định hướng phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của tỉnh, thành phố.

Điều 3. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính nông thôn có yếu tố đặc thù

1. Tỉnh, xã có 50% dân số là người dân tộc thiểu số ở miền núi hoặc có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định đối với tỉnh, xã tương ứng; cứ thêm 10% dân số là người dân tộc thiểu số thì được giảm thêm 5% mức quy định đối với tỉnh, xã tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

2. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được xác nhận theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

3. Đối với vùng Đồng bằng sông Hồng, mức tối thiểu của tiêu chuẩn diện tích tự nhiên của tỉnh bằng 50% mức quy định, của xã bằng 70% mức quy định; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

4. Đơn vị hành chính nông thôn có nhiều yếu tố đặc thù thì mỗi tiêu chuẩn chỉ được áp dụng mức giảm tương ứng với một yếu tố đặc thù quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Mục 2

TIÊU CHUẨN CỦA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH ĐÔ THỊ

Điều 4. Tiêu chuẩn của thành phố

- 1. Quy mô dân số từ 2.500.000 người trở lên.
- 2. Diện tích tự nhiên từ 2.500 km² trở lên.
- 3. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 30% trở lên.
- 4. Tỷ lệ đô thị hóa từ 45% trở lên.

5. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và

công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước.

6. Đã được công nhận là đô thị loại I.

7. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt các chỉ tiêu sau:

a) Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương;

b) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt từ 80% trở lên;

c) Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất;

d) Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP);

đ) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất.

Điều 5. Tiêu chuẩn của phường

1. Quy mô dân số từ 21.000 người trở lên.

2. Diện tích tự nhiên từ 5,5 km² trở lên.

3. Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp vùng hoặc cấp tỉnh hoặc cấp tiểu vùng trong tỉnh, thành phố, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố hoặc tiểu vùng trong tỉnh, thành phố.

4. Tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính từ 50% trở lên.

5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt các chỉ tiêu sau:

a) Tỷ lệ tổng thu ngân sách địa phương với tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn từ 100% trở lên;

b) Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP đạt từ 70% trở lên;

c) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 70% trở lên;

d) Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh, thành phố mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất;

đ) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh, thành phố mà mình trực thuộc trong 03 năm gần nhất.

Điều 6. Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị có yếu tố đặc thù

1. Đơn vị hành chính đô thị ở miền núi hoặc có đường biên giới quốc gia

trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định, mức tối thiểu của tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội bằng 70% mức quy định đối với đơn vị hành chính đô thị tương ứng; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

2. Thành phố có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này, mức tối thiểu của tiêu chuẩn tỷ lệ đô thị hóa bằng 70% mức quy định tại khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này:

a) Có di sản văn hóa vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp quốc (UNESCO) công nhận;

b) Được xác định là trung tâm du lịch quốc tế trong quy hoạch, định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phường có 02 yếu tố đặc thù sau đây thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết này; các tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này:

a) Có di sản văn hóa vật thể được UNESCO công nhận hoặc được cấp có thẩm quyền xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt;

b) Được xác định hoặc trực thuộc đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác định là trung tâm du lịch quốc gia hoặc quốc tế trong quy hoạch, định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phường ở hải đảo thì mức tối thiểu của các tiêu chuẩn quy mô dân số, diện tích tự nhiên, tỷ lệ quy mô dân số đô thị trên quy mô dân số của đơn vị hành chính bằng 50% mức quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 5 của Nghị quyết này; không đánh giá tiêu chuẩn quy định tại khoản 5 Điều 5 của Nghị quyết này; tiêu chuẩn khác thực hiện theo quy định tại Mục này.

5. Đơn vị hành chính đô thị có nhiều yếu tố đặc thù thì mỗi tiêu chuẩn chỉ được áp dụng mức giảm tương ứng với một yếu tố đặc thù quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này.

Mục 3

TIÊU CHUẨN CỦA ĐẶC KHU

Điều 7. Tiêu chuẩn của đặc khu

Tiêu chuẩn của đặc khu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đặc khu đã được công nhận loại đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị thì được xác định là đơn vị hành chính đô thị.

Chương II

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP, GIẢI THỂ, NHẬP, CHIA ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI VÀ ĐỔI TÊN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Điều 8. Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính

1. Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gồm có 05 phần và phụ lục như sau:

- a) Phần thứ nhất: căn cứ pháp lý và sự cần thiết;
- b) Phần thứ hai: lịch sử hình thành và hiện trạng của các đơn vị hành chính liên quan trực tiếp đến việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;
- c) Phần thứ ba: phương án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;
- d) Phần thứ tư: đánh giá tác động và định hướng phát triển của đơn vị hành chính sau khi thành lập, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính. Trường hợp giải thể đơn vị hành chính thì chỉ thực hiện đánh giá tác động;
- đ) Phần thứ năm: kết luận và kiến nghị;
- e) Phụ lục kèm theo đề án gồm: biểu tổng hợp các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; các biểu, bảng số liệu được cấp có thẩm quyền xác nhận làm cơ sở xác định các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; 01 bản đồ hiện trạng địa giới của đơn vị hành chính liên quan trực tiếp đến việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và 01 bản đồ phương án thành lập, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; 01 phim tài liệu (từ 15 đến 20 phút) về vị trí, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng của khu vực đề nghị thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính; hồ sơ công nhận loại đô thị đối với trường hợp thành lập thành phố; các văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc xác nhận về yếu tố đặc thù của đơn vị hành chính (nếu có).

2. Số liệu tại đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính:

- a) Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập đề án cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác, bảo đảm thống nhất với số liệu về diện tích tự nhiên của các đơn vị hành chính do Chính phủ công bố;
- b) Quy mô dân số của đơn vị hành chính gồm dân số thường trú và dân số tạm trú do cơ quan Công an có thẩm quyền cung cấp, xác nhận.

Quy mô dân số đô thị được xác định là quy mô dân số tại khu vực đã được phân loại đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

Tỷ lệ đô thị hóa được xác định theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

c) Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính trong đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi hồ sơ đề án đến cơ quan thẩm định; do cơ quan lập đề án cung cấp, chịu trách nhiệm về tính chính xác.

Điều 9. Tên của đơn vị hành chính thành lập mới và đổi tên đơn vị hành chính

1. Tên đơn vị hành chính được viết bằng chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ số hoặc tiếng dân tộc thiểu số.

2. Việc đặt tên, đổi tên của đơn vị hành chính được quy định như sau:

a) Tên của đơn vị hành chính cần dễ đọc, dễ nhớ, ngắn gọn, bảo đảm tính hệ thống, khoa học, phù hợp với các yếu tố truyền thống lịch sử, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương đồng tình ủng hộ;

b) Tên của đơn vị hành chính cấp tỉnh thành lập mới không được trùng với tên của đơn vị hành chính cùng cấp hiện có trong phạm vi cả nước. Tên của đơn vị hành chính cấp xã thành lập mới không được trùng với tên của đơn vị hành chính cùng cấp trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh.

3. Trường hợp đổi tên đơn vị hành chính được thực hiện đồng thời với việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thì được tích hợp vào đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này.

4. Trường hợp đổi tên đơn vị hành chính không thực hiện đồng thời với việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính thì đề án đổi tên đơn vị hành chính gồm các nội dung sau:

a) Phần thứ nhất: căn cứ pháp lý và sự cần thiết đổi tên đơn vị hành chính;

b) Phần thứ hai: lịch sử hình thành và hiện trạng của đơn vị hành chính được đề xuất đổi tên;

c) Phần thứ ba: phương án đổi tên đơn vị hành chính;

d) Phần thứ tư: đánh giá tác động của việc đổi tên đơn vị hành chính;

đ) Phần thứ năm: kết luận và kiến nghị.

Điều 10. Thẩm định và thẩm tra đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đề án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính. Việc thẩm định được thực hiện trên cơ sở hồ sơ đề án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và gửi thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết này.

Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Bộ Nội vụ xem xét, quyết định việc tổ chức khảo sát phục vụ thẩm định đề án.

2. Đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính được Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội thẩm tra trước khi trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Kinh phí thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính

Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Đơn vị hành chính được hình thành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì không phải đánh giá lại tiêu chuẩn của đơn vị hành chính quy định tại Chương I của Nghị quyết này.

4. Trường hợp điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính để giải quyết các vấn đề còn bất hợp lý về phân định địa giới đơn vị hành chính do biến động về địa chất,

địa hình hoặc do quá trình phát triển kinh tế - xã hội mà diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính biến động không quá 20% và không làm thay đổi số lượng đơn vị hành chính thì đơn vị hành chính sau khi điều chỉnh địa giới không phải đánh giá tiêu chuẩn của đơn vị hành chính quy định tại Chương I của Nghị quyết này.

5. Đơn vị hành chính nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, định hướng phát triển thành đơn vị hành chính đô thị thì được áp dụng tiêu chuẩn diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính đô thị đó.

6. Trường hợp để đáp ứng yêu cầu đặc biệt về quản lý lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền thì đơn vị hành chính có thể được thành lập, nhập, chia hoặc điều chỉnh địa giới mà không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này. 

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 52 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**




Trần Thanh Mẫn